TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS-PT
Ngày: 10-3-2026
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Cao Việt Hoàng.

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Tú và bà Nguyễn Thị Minh Thu

Thư ký phiên toà*:* ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2025/TLPT-DS, ngày 22/12/2025 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Vi Văn Háo; sinh năm: 1978; địa chỉ: thôn Trại Trầm, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vi Văn Háo: ông Nguyễn Đức Tuân – Luật sư Công ty luật TNHH Quang Minh THL thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Vi Văn Tiền; sinh năm: 1974; địa chỉ: thôn Trại Trầm, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lăng Thị Hương; sinh năm: 1979; vắng mặt.
- Bà Ngô Thị Kheo; sinh năm: 1974; có mặt.
- Ông Dương Văn Thấn; sinh năm: 1961; vắng mặt.
- Bà Hoàng Thị Mỳ; sinh năm: 1962; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Trại Trầm, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh.

- Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam; địa chỉ: thôn Hà Tú, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Kiêm – Giám đốc; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh; người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Văn Sơn – Chủ tịch UBND; người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng

Quang An – Phó Chủ tịch UBND. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyễn đơn ông Vi Văn Háo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án:

** Nguyên đơn ông Vi Văn Háo trình bày:* Năm 1993, bố mẹ ông là ông Vi Văn Phình và bà Hoàng Thị Bằng đã cho ông đất rừng với diện tích là 0,7ha. Mục đích để ông sau này có đất canh tác, sản xuất khi xây dựng gia đình ra ở riêng. Cùng năm đó, thửa đất rừng này bố ông đã đề nghị Lâm Nghiệp Hà Bắc, Lâm trường Lục Nam ký Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng số: 166, do Lâm Nghiệp Hà Bắc Lâm trường Lục Nam cấp ngày 30/4/1993 đứng tên chủ sổ là ông Vi Văn Háo.

Thửa đất rừng có vị trí tại ô số 1; khoảnh 2B, Lô R. Thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất ở nhà anh Tiền, chị Kheo; phía Tây giáp thửa đất rừng của ông Nhì, ông Tọt; phía Bắc giáp thửa đất rừng nhà ông Thấn; phía Nam giáp với thửa đất rừng ông Éng.

Đến năm 1996, ông kết hôn với bà Lăng Thị Hương, sau khi kết hôn thì vợ chồng ông chung sống cùng bố mẹ và chưa ra ở riêng nên phần đất này vẫn để trống. Sau đó ông Vi Văn Tiền và vợ là bà Ngô Thị Kheo có nói với bố mẹ ông xin mượn phần đất rừng khoảng 0,7 ha để ở tạm trên mảnh đất này, khi nào các em lớn xây dựng gia đình ra ở riêng thì sẽ trả lại cho các em sản xuất và canh tác. Bố mẹ ông đồng ý cho ông Tiền mượn, do là người thân trong gia đình nên khi cho mượn đất không có viết giấy tờ gì mà chỉ nói miệng với nhau.

Sau khi mượn đất, ông Tiền đã tiến hành trồng cây ăn quả trên phần đất này, lúc đó bố ông đã ngăn cản không cho ông Tiền trồng cây, nhưng ông Tiền không nghe mà vẫn trồng cây trên đất và nói rằng để cho các em và các cháu sau này hưởng. Thời điểm này ông cũng tham gia đóng góp công sức vào việc tân tạo thửa đất cùng anh Tiền từ năm 1998 đến năm 2006. Sau đó ông đi vào miền nam làm ăn, đến 2013 thì về địa phương sinh sống, do vợ chồng ông không có đất để canh tác sản xuất, nên đã đề nghị ông Tiền trả lại phần đất 0,7 ha này cho vợ chồng ông sản xuất, canh tác nhưng ông Tiền đã không đồng ý trả lại đất cho vợ chồng ông và đưa ra nhiều lý do và yêu sách để gây khó khăn.

Để giữ được tình cảm gia đình, mặc dù đã được bố đẻ là ông Phình nhiều lần thuyết phục hòa giải và yêu cầu anh Tiền phải trả lại thửa đất rừng hiện đang đứng tên ông đã mượn từ những năm 1996 nhưng anh Tiền nhất quyết không trả lại phần đất rừng để giao lại cho anh Vi Văn Háo.

Năm 2013, bố ông đã làm đơn gửi chính quyền thôn và UBND xã Tam Dị đề nghị chính quyền hòa giải tranh chấp đất đai nhưng đôi bên không thể hòa giải được với nhau. Mặc dù ông Tiền đã được bố mẹ ông cho 3,5ha đất ở khu đồi Đèo Kứu Trên, xã Tam Dị, huyện Lục Nam (cũ) nhưng vẫn muốn chiếm nốt phần diện tích 0,7ha đã mang tên ông. Tại thời điểm đó vợ chồng anh Tiền đang trồng khoảng 40-50 cây vải trên diện tích đất rừng này và anh Tiền yêu cầu là trả anh

Tiền mỗi cây vải 5.000.000 đồng thì anh Tiền sẽ trả lại đất rừng cho ông. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng trả cho anh Tiền số tiền để bồi thường cây vải nên bố ông và ông lại không đòi nữa.

Thửa đất lâm nghiệp này không phải nộp thuế cho Nhà nước mà chỉ nộp tiền sản cho Nhà nước, tức là khi trồng cây được thu hoạch thì các hộ phải nộp bao nhiêu phần trăm tiền thu hoạch sản phẩm cho Lâm trường. Việc nộp sản này là do anh Tiền nộp vì anh Tiền là người trực tiếp sử dụng thửa đất trên. Ngoài hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng ra thì ông không được Nhà nước cấp cho bất cứ loại giấy tờ nào khác đối với thửa đất này. Ông cũng chưa đi kê khai với các cơ quan nhà nước để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những năm trước thì do không hiểu biết nên không đi đăng ký gì, những năm sau này thì do đất có tranh chấp nên cũng không đủ điều kiện được cấp. Bản thân ông chưa được canh tác và sử dụng riêng gì đối với thửa đất này, ông cùng gia đình có canh tác từ trước những năm 1995 vào mục đích làm bãi, trồng sắn để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của cả gia đình.

Ông xác định thửa đất này là của riêng ông, được bố mẹ cho từ khi ông chưa lập gia đình riêng nên không liên quan đến bố mẹ ông, không liên quan đến vợ con ông và không liên quan đến các anh chị em khác trong gia đình.

** Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông Vi Văn Tiền trình bày:* Ông và vợ ông là bà Ngô Thị Kheo kết hôn năm 1990, sau khi kết hôn ông bà chung sống cùng bố mẹ ông được khoảng 5 đến 6 năm thì được bố mẹ cho ra ở riêng tại thôn Trại Trầm, thời điểm đó anh Háo còn nhỏ và đang đi học. Sau khi ra ở riêng thì vợ chồng ông đã lên rừng tự khai hoang đất rừng để trồng sắn và vải, thửa đất rừng này nằm liền với đất ở của vợ chồng ông. Thời điểm đó đất rừng rộng, Nhà nước không quản lý chặt chẽ nên các hộ dân tự khai hoang để trồng trọt, vợ chồng ông đã khai hoang được khoảng 01ha. Toàn bộ thửa đất rừng này vợ chồng ông vẫn đang canh tác và sử dụng từ năm 1995 đến nay, hiện nay toàn bộ diện tích này ông trồng bạch đàn. Diện tích đất này vợ chồng ông chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Thời điểm đó, Lâm trường Lục Nam có hướng dẫn gia đình ông làm đơn đề nghị để được cấp GCNQSDĐ nhưng do kinh kế khó khăn không có điều kiện làm thủ tục. Quá trình canh tác thửa đất thì không xảy ra tranh chấp với các hộ xung quanh, các cơ quan nhà nước từ thôn Trại Trầm, UBND xã Tam Dị, UBND huyện Lục Nam và Lâm trường Lục Nam không có ý kiến gì.

Thửa đất lâm nghiệp nhà ông có các vị trí tiếp giáp như sau: 01 cạnh giáp với đất ở của gia đình tôi; 01 cạnh giáp với đất ở nhà chị Đào, anh Hưng; 01 cạnh giáp với đất lâm nghiệp nhà ông Éng; 01 cạnh giáp với đất lâm nghiệp nhà ông Nhì; 01 cạnh giáp với đất lâm nghiệp nhà ông Ánh; 01 cạnh giáp với đất lâm nghiệp nhà ông Các; 01 cạnh giáp với đất lâm nghiệp nhà ông Tọt; 01 cạnh giáp với đất lâm nghiệp nhà ông Thấn; 01 cạnh giáp với đất ở và đất lâm nghiệp nhà ông Hoa.

Cách đây khoảng 10 năm, bố đẻ ông là ông Vi Văn Phình có tranh chấp với ông về thửa đất rừng này, ông Phình cho rằng thửa đất rừng mà vợ chồng ông khai hoang và đang canh tác là của ông. Chính quyền địa phương là Ban quản lý

thôn Trại Trầm và UBND xã Tam Dị có dàn xếp và hòa giải, sau đó sự việc lắng xuống, vợ chồng ông vẫn tiếp tục canh tác thửa đất này từ đó và không ai có ý kiến gì nữa.

Đối với Sổ hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng số 166 ngày 30 tháng 4 năm 1993 ông có ý kiến như sau: Trong Hợp đồng có ghi giao cho anh Háo diện tích 0,7ha đất lâm nghiệp tại khoảnh 2B, lô R, diện tích 0,7ha là đúng thửa đất vợ chồng ông đang canh tác. Việc giữa Lâm trường Lục Nam ký kết hợp đồng này với anh Vi Văn Háo thì vợ chồng ông không hề biết, không ai thông báo cho ông được biết. Đến năm 2024, anh Háo làm đơn giải quyết tranh chấp đất rừng với ông gửi UBND xã Tam Dị giải quyết thì ông mới được biết đến hợp đồng này. Năm 1993, anh Háo mới 15 tuổi, trong Hợp đồng ghi anh Háo 18 tuổi là không đúng, theo ông chữ ký của anh Háo tại Hợp đồng cũng không đúng là của anh Háo.

Toàn bộ thửa đất rừng này là do vợ chồng ông tự khai hoang và canh tác, các con tôi là cháu Vi Văn Nhàn, sinh năm 1992 và Vi Thị Hoa, sinh năm 2004 không có công sức gì trong việc khai hoang và canh tác thửa đất này. Khi lớn lên thì các cháu đi làm ăn, không trực tiếp canh tác thửa đất này cùng vợ chồng ông, hiện nay các cháu cũng đi làm ăn xa, không có ở nhà nên ông đề nghị Tòa án không đưa 02 con ông vào tham gia tố tụng.

Nay, anh Háo khởi kiện ông phải trả lại thửa đất này thì ông không đồng ý. Bởi vì thửa đất này vợ chồng ông đã khai hoang và canh tác từ những năm 1995 đến nay, anh Háo không hề có công sức gì trong việc khai hoang và canh tác thửa đất này. Anh Háo lớn lên đi làm ăn xa nhà nhiều năm mới trở về địa phương, vợ chồng ông không hề giao cho anh Háo canh tác thửa đất này.

Lời trình bày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Kheo giống với lời khai, trình bày trên của ông Vi Văn Tiền (là chồng bà).

** Tại biên bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lăng Thị Hương trình bày:* Bà là là vợ của anh Vi Văn Háo, theo bà được biết năm 1993 bố mẹ chồng bà là ông Vi Văn Phình và bà Hoàng Thị Bằng đã cho anh Vi Văn Háo (chồng bà) đất rừng với diện tích khoảng 0,7ha (đo thực tế thực là 13.056m^2), mục đích để anh Háo sau này có đất canh tác, sản xuất khi xây dựng gia đình ra ở riêng. Cùng năm đó, thửa đất rừng này bố chồng bà đã đề nghị Lâm Nghiệp Hà Bắc Lâm trường Lục Nam ký Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng số: 166, do Lâm Nghiệp Hà Bắc Lâm trường Lục Nam cấp ngày 30/4/1993 đứng tên chủ sổ là anh Vi Văn Háo. Thửa đất rừng có vị trí tại ô số 1; khoảnh 2B, Lô R. Phía Đông giáp đường đi lại; phía trên giáp ruộng khai hoang của ông Phình; phía Tây giáp rừng của ông Nhì, ông Tọt; phía Bắc giáp vườn ông Thân, ông Hoa; phía Nam giáp với vườn ông Eng.

Đến năm 1996 do anh Háo chưa ra ở riêng nên phần đất này vẫn để trống, sau đó anh chồng bà là ông Vi Văn Tiền sinh năm 1974 và vợ là bà Ngô Thị Kheo có nói với bố mẹ chồng bà xin mượn phần đất rừng khoảng 0,7 ha để ở tạm trên mảnh đất này, khi nào các em lớn xây dựng gia đình ra ở riêng thì sẽ trả lại cho các em sản xuất và canh tác. Bố mẹ chồng bà đã đồng ý cho ông Tiền mượn, do

là người thân trong gia đình nên khi cho mượn đất không có viết giấy tờ gì. Sau khi mượn đất, ông Tiền đã tiến hành trồng cây ăn quả trên phần đất này, lúc đó bố chồng bà đã ngăn cản không cho ông Tiền trồng cây, nhưng ông Tiền không nghe mà vẫn trồng cây trên đất và nói rằng để cho các em và các cháu sau này hưởng. Thời điểm này chồng bà là anh Háo cũng tham gia đóng góp công sức vào việc tân tạo thửa đất cùng anh Tiền từ năm 1998 đến năm 2006. Sau đó chồng bà đi vào miền nam làm ăn, đến 2013 thì về địa phương sinh sống. Sau đó do vợ chồng bà không có đất để canh tác sản xuất, nên đã đề nghị ông Tiền trả lại phần đất 0,7 ha này cho vợ chồng bà sản xuất, canh tác nhưng ông Tiền đã không đồng ý trả lại đất cho cho chồng bà và đưa ra nhiều lý do và yêu sách để gây khó khăn.

Để giữ được tình cảm gia đình, mặc dù đã được bố đẻ là ông Phình nhiều lần thuyết phục hòa giải và yêu cầu anh Tiền phải trả lại thửa đất rừng hiện đang đứng tên anh Vi Văn Háo đã mượn từ những năm 1996 nhưng anh Tiền nhất quyết không trả lại phần đất rừng để giao lại cho anh Vi Văn Háo. Năm 2013, bố chồng bà đã làm đơn gửi chính quyền thôn và UBND xã Tam Dị đề nghị chính quyền hòa giải tranh chấp đất đai nhưng đôi bên không thể hòa giải được với nhau. Mặc dù ông Tiền đã được bố mẹ chồng bà cho 3,5ha đất ở khu đồi Đèo Kứu Trên, xã Tam Dị, huyện Lục Nam nhưng ông Tiền vẫn muốn chiếm nốt phần diện tích 0,7ha (đo thực tế thực là 13.056m^2) đã mang tên chồng bà là anh Vi Văn Háo. Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án và tuyên buộc ông Vi Văn Tiền và vợ là bà Ngô Thị Kheo phải trả cho chồng bà thửa đất rừng có diện tích 0,7ha (đo thực tế thực là 13.056m^2), đồng thời phải di chuyển toàn bộ cây cối, tài sản ra khỏi đất để trả lại đất cho anh Vi Văn Háo.

** Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam do ông Nguyễn Văn Kiêm, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc trình bày:*

Năm 1993, Lâm trường Lục Nam (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục Nam) có giao sổ hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng đối với chủ hộ Vi Văn Háo, theo nghị định số 01 của chính phủ ngày 04/01/1995, tại khoảnh 2b, tiểu khu Tam Dị, số 168, diện tích giao 0,7ha. Trong quá trình sản xuất gia đình ông Vi Văn Háo đã thực hiện tu bổ nuôi dưỡng rừng với diện tích là 0,5ha và diện tích vườn rừng là 0,2ha, (Tổng cộng 0,7ha). Đến năm 2009 UBND tỉnh Bắc Giang có Quyết định phê duyệt phương án rà soát, bàn giao rừng và đất rừng từ các Công ty lâm nghiệp, lâm trường về địa phương. Do vậy Công ty đã cắt trả toàn bộ phần diện tích 0,7ha của ông Vi Văn Háo về địa phương quản lý. Từ trước cho đến nay công ty (Lâm trường trước đây) không giao khoán diện tích đất nào cho ông Vi Văn Tiền có hộ khẩu thôn Trại Trầm xã Tam dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1993, Nhà nước có dự án 327 về việc phủ xanh đất trống đồi núi trọc trên địa bàn huyện, trong đó có thôn Trại Trầm, xã Tam Dị. Theo đó thì Lâm trường Lục Nam sẽ trực tiếp ký kết hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng với các hộ dân. Hai bên có cam kết và thỏa thuận trong hợp đồng về việc Lâm trường (Bên A)

giao cho các hộ dân (Bên B) một số diện tích rừng và đất rừng (có thể trên chính diện tích mà các hộ đã tự khai hoang trước đó) để bên B tiếp tục trồng, bảo vệ, chăm sóc cho đến khi thu hoạch sản phẩm. Bên A sẽ tổ chức hướng dẫn kỹ thuật cho bên B thực hiện dựa vào vốn đầu tư và công sức bỏ ra của mỗi bên cùng ăn chia sản phẩm cuối cùng thu hoạch được theo nguyên tắc hợp lý công bằng, cùng có lợi.

Trong đó hộ ông Vi Văn Háo được giao khoảnh 2B, lô R có diện tích 0,7ha (trong đó có 0,5ha tu bổ nuôi dưỡng và 0,2ha vườn rừng). Quá trình canh tác thửa đất này ai là người trực tiếp canh tác thì ông không nắm được vì thời gian đã lâu, không còn lưu giữ tài liệu gì và diện tích đất này đã chuyển thành đất 02 và giao cho địa phương quản lý từ những năm 2010. Quá trình canh tác các hộ dân có nhu cầu cấp GCNQSDĐ thì có thể làm đơn đề nghị với cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để thực hiện theo Luật đất đai. Thửa đất này hiện nay được cấp GCNQSDĐ chưa thì ông không biết. Tuy nhiên, Số hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng không phải là một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai.

Vậy, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục Nam đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Kiêm không trình bày gì thêm.

** Tại biên bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Tam Dị do ông Nguyễn Hữu Hùng, chức vụ: Chủ tịch trình bày:*

Nguồn gốc sử dụng là đất lâm nghiệp được giao cho Lâm trường Lục Nam sử dụng và đến ngày 30/4/1993 Lâm trường Lục Nam có Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng với ông Vi Văn Háo, tại thời điểm này ông Vi Văn Háo chưa đủ tuổi vị thành niên. Do diện tích đất trên từ năm 1993 do Lâm trường quản lý và sử dụng có hợp đồng với ông Vi Văn Háo.

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 08/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thu hồi rừng và đất lâm nghiệp của công ty lâm nghiệp Lục Nam để bàn giao lại cho UBND xã Tam Dị quản lý và giao cho các hộ thì không có danh sách bàn giao có tên ông Vi Văn Háo. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu Hùng không trình bày gì thêm.

** Tại biên bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam do ông Đào Quang Dương, chức vụ: Cán bộ Phòng Tài nguyên và môi trường trình bày:* Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Năm 1993, Lâm trường Lục Nam và ông Vi Văn Háo có ký kết Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng số 166/HĐ-LN đối với thửa đất lâm nghiệp có diện tích 0,7ha, tại khoảnh 2B, lô R có địa chỉ tại thôn Trại Trầm, xã Tam Dị, huyện Lục Nam. Quá trình các bên sử dụng diện tích đất trên như nào thì Ủy ban không năm được vì khi đó diện tích đất lâm nghiệp này do Lâm trường quản lý. Từ năm 2010 đến nay diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn thôn Trại Trầm được chuyển giao thành diện tích đất 02 do UBND xã quản lý nhưng không thu bất cứ chi phí gì vì Nhà nước có chính sách miễn tất cả các loại thu. Hiện nay diện tích đất này chưa được cấp GCNQSDĐ, Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng không phải là một trong

các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai. Trường hợp nếu hộ dân có đơn xin cấp GCNQSDĐ thì căn cứ vào điều kiện sử dụng ổn định trực tiếp của hộ dân để làm căn cứ. Trên thửa đất tranh chấp này, tại bản đồ địa chính của UBND xã có ghi tên ông Vi Văn Tiền. Hiện trạng thửa đất tại thời điểm tranh chấp có diện tích là 10.013,7m^2, có tăng lên so với diện tích ban đầu. Nguyên nhân tăng là do thời điểm năm 1993 sử dụng phương pháp đo đạc thủ công, đo bằng thước dây. Hiện nay dùng phương pháp đo đạch bằng máy nên kết quả chính xác hơn. Trường hợp giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án sử dụng kết quả đo đạc hiện nay để giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông Dương không còn ý kiến nào khác.

** Tại biên bản làm việc, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam và Ủy ban nhân dân xã Tam Dị là Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài, do ông Phùng Quang An, chức vụ: Phó chủ tịch trình bày:*

Về nguồn gốc của thửa đất lâm nghiệp có diện tích 0,7ha, tại khoảnh 2B, lô R theo Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng số 166/HĐ-LN giữa Lâm trường Lục Nam và ông Vi Văn Háo thì Lâm trường giao đất rừng cho hộ dân với mục đích tiếp tục trồng, bảo vệ, chăm sóc đến khi thu hoạch sản phẩm. Theo đó Lâm trường sẽ tổ chức hướng dẫn kỹ thuật cho bên B thực hiện dựa vào vốn đầu tư và công sức bỏ ra của mỗi bên để cùng ăn chia sản phẩm thu hoạch được theo nguyên tắc công bằng, hợp lý cùng có lợi.

Quá trình sử dụng thửa đất lâm nghiệp trên thì vợ chồng ông Tiền và bà Kheo là người trực tiếp sử dụng từ những năm 1995, 1996 đến nay. Ông Tiền, bà Kheo sử dụng ổn định và không có tranh chấp với các hộ xung quanh.

Ông Tiền, bà Kheo có phải đóng sản phẩm cho Lâm trường hay không thì ông không rõ vì thời điểm trước năm 2010 Ủy ban nhân dân xã không quản lý diện tích đất lâm nghiệp này mà do Lâm trường phụ trách. Từ năm 2010 đến nay diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn thôn Trại Trầm được chuyển giao thành diện tích đất 02 do UBND xã quản lý nhưng không thu bất cứ chi phí gì vì Nhà nước có chính sách miễn tất cả các loại thu. Theo biên bản bàn giao rừng, đất lâm nghiệp (theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 08/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh) về việc Công ty Lâm nghiệp Lục Nam tổ chức bàn giao rừng và đất lâm nghiệp cho UBND xã Tam Dị theo Quyết định thu hồi của UBND tỉnh Bắc Giang thì thửa đất này không có trong danh sách được bàn giao.

Hiện nay diện tích đất này chưa được cấp GCNQSDĐ, Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng không phải là một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai. Trường hợp nếu hộ dân có đơn xin cấp GCNQSDĐ đất thì căn cứ vào điều kiện sử dụng ổn định trực tiếp của hộ dân để làm căn cứ. Trên thửa đất tranh chấp này, tại bản đồ địa chính của Ủy ban nhân dân xã có ghi tên ông Vi Văn Tiền. Tại Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng có ghi diện tích là 0,7ha. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành đo đạc hiện trạng thực tế là 10.013,7m^2, có tăng lên so với diện tích ban đầu. Nguyên nhân tăng là do thời điểm năm 1993 sử dụng phương pháp đo đạc thủ công, đo bằng thước dây. Hiện nay dùng phương pháp đo đạch bằng máy nên kết quả chính xác hơn. Trường hợp giải quyết vụ án, đề nghị Tòa

án sử dụng kết quả đo đạc hiện nay để giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông Phùng Quang An không có ý kiến nào khác.

** Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn Thấn và bà Hoàng Thị Mỳ trình bày:* Gia đình ông bà đã được Ban quản lý thôn Trại Trầm giao cho quản lý, sửa dụng diện tích đất lâm nghiệp có một cạnh giáp ranh với thửa đất của ông Tiền mà hiện nay đang tranh chấp. Tuy nhiên, thôn giao cho từ năm nào, diện tích bao nhiêu thì ông bà không nhớ. Thửa đất lâm nghiệp này không có bất cứ giấy tờ bàn giao gì, hiện nay cũng chưa được cấp GCNQSDĐ. Quá trình sử dụng, ông Vi Văn Phình (là bố đẻ của ông Háo và ông Tiền) là người được giao thửa đất lâm nghiệp mà hiện nay anh Tiền đang sử dụng đã yêu cầu ông phải nhường thêm đất cho ông Phình. Theo như sơ đồ đo đạc mà Tòa án đã cho ông tiếp cận theo các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9 là đúng.

Căn cứ sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Tòa án cung cấp thì hiện nay ông Tiền đang sử dụng thửa đất có hình được thể hiện bằng cách cạnh giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21.

Sau đó ông Phình giao cho vợ chồng ông Tiền sử dụng, gia đình ông bà và gia đình ông Tiền sử dụng không có tranh chấp gì. Tuy diện tích của ông bà bị thiếu theo bản đồ địa chính nhưng ông bà cũng không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án có giải quyết vụ án mà ông bà được sử dụng diện tích đất lâm nghiệp theo sơ đồ địa chính thì ông bà cũng không đồng ý. Ông bà chỉ có nhu cầu sử dụng diện tích như hiện tại ông bà đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, ông Thấn và bà Mỳ không có ý kiến nào khác.

**** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập được những tài liệu, chứng cứ sau:***

- Tại biên bản làm việc ngày 22/8/2025, bà Vi Thị Ồn, bà Vi Thị Phượng và ông Vi Văn Hỏi trình bày: Ông, bà là con đẻ của ông Vi Văn Phình và bà Hoàng Thị Băng, là anh chị em ruột với anh Vi Văn Tiền và anh Vi Văn Háo.

Đối với vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa anh Vi Văn Háo và anh Vi Văn Tiền thì ông, bà có ý kiến như sau: Năm 1993, thực hiện dự án 327 của Nhà nước thì các hộ dân trong thôn Trại Trầm có được Lâm trường Lục Nam giao cho đất rừng để canh tác và sử dụng. Theo đó, gia đình ông, bà được Lâm trường Lục Nam giao cho 03 thửa đất lâm nghiệp trong đó bố mẹ ông, bà được giao một thửa, anh Vi Văn Tiền được giao một thửa và một thửa cho anh Vi Văn Háo. Khi Lâm trường giao đất thì có ký kết Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng. Cụ thể việc giao đất như nào thì ông, bà không biết vì khi đó ông, bà còn nhỏ nên cũng không rõ, sau này lớn lên thì được nghe nói lại như vậy. Trong đó diện tích 0,7ha đất rừng đang tranh chấp là của anh Vi Văn Háo.

Sau khi được giao diện tích đất rừng đó thì gia đình nhà ông, bà đã trực tiếp khai thác và sử dụng, đến năm 1996, bố mẹ ông, bà cho anh Tiền và chị Kheo ra ở riêng nên bố mẹ ông, bà thống nhất cho vợ chồng anh Tiền mượn thửa đất rừng của anh Háo để canh tác, trồng trọt phục vụ nhu cầu cuộc sống. Và có nói là khi nào anh Háo lập gia đình thì phải trả lại diện tích đất rừng 0,7ha của anh Háo để anh Háo sử dụng. Quá trình vợ chồng anh Tiền sử dụng và canh tác đất

rừng là anh Tiền khai thác 01 thửa có diện tích 3,5ha mà anh Tiền được Lâm trường giao và 01 thửa có diện tích 0,7ha của anh Háo. Sau này anh Tiền đã bán thửa đất có diện tích 3,5ha của anh Tiền mà chỉ sử dụng thửa 0,7ha của anh Háo. Việc bố mẹ ông, bà và anh Háo đồng ý cho vợ chồng anh Tiền sử dụng thửa đất 0,7ha của anh Háo chỉ là cho mượn và cũng không lập biên bản gì vì bố mẹ con trong gia đình nên không lập biên bản mà chỉ nói miệng với nhau.

Năm 1996, anh Vi Văn Háo kết hôn với chị Hương, do vợ chồng anh Háo ở chung cùng bố mẹ nên cũng không có nhu cầu sử dụng đến thửa đất rừng đó nên vẫn tiếp tục để vợ chồng anh Tiền canh tác.

Quá trình vợ chồng anh Tiền sử dụng thửa đất này từ năm 1996 đến năm 2012 thì có tranh chấp. Lý do là giữa bố ông, bà là ông Phình và anh Tiền có mâu thuẫn nên bố ông, bà yêu cầu vợ chồng anh Tiền phải trả lại cho anh Háo thửa đất rừng 0,7ha để cho anh Háo sử dụng và có làm đơn khởi kiện đến thôn và xã để giải quyết. Tuy nhiên, tại thời điểm đó vợ chồng anh Tiền đang trồng khoảng 40-50 cây vải trên diện tích đất rừng này và anh Tiền yêu cầu là trả anh Tiền mỗi cây vải 5.000.000 đồng thì anh Tiền sẽ trả lại đất rừng cho anh Háo. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, bố ông, bà và anh Háo không có khả năng trả cho anh Tiền số tiền để bồi thường cây vải nên bố ông, bà và anh Háo lại không đòi nữa. Từ đó bố ông, bà ốm và yếu dần nên gia đình không tranh chấp nữa, đến năm 2016 thì bố ông, bà mất nên sự việc vẫn dừng lại ở việc tranh chấp từ năm 2012-2013.

Ông, bà xác định toàn bộ diện tích đất rừng 0,7ha mà lâm trường giao cho anh Háo là của riêng anh Háo, gia đình ông, bà và bố mẹ ông, bà cũng đã thống nhất giao cho anh Háo được toàn quyền sử dụng nên ông, bà không có bất cứ yêu cầu gì đối với thửa đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Háo để anh Háo được quyền sử dụng vì thửa đất này đã được giao cho anh Háo từ những năm 1993, anh Tiền cũng đã được giao và đã bán hết diện tích đất rừng của anh Tiền, thửa đất này mang tên anh Háo mà lại để anh Tiền sử dụng là không đúng. Ngoài ra, không còn ý kiến nào khác.

** Tại biên bản làm việc ngày 08/9/2025, bà Vi Thị Phế trình bày:* Năm 1993, thực hiện dự án 327 của Nhà nước thì các hộ dân trong thôn Trại Trầm có được Lâm trường Lục Nam giao cho đất rừng để canh tác và sử dụng. Theo đó, gia đình bà được Lâm trường Lục Nam giao cho 03 thửa đất lâm nghiệp trong đó bố mẹ bà được giao một thửa, anh Vi Văn Tiền được giao một thửa và một thửa cho anh Vi Văn Háo. Khi Lâm trường giao đất thì có ký kết Hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng. Trong đó diện tích 0,7ha đất rừng đang tranh chấp là của anh Vi Văn Háo.

Sau khi được giao diện tích đất rừng đó thì gia đình nhà bà đã trực tiếp khai thác và sử dụng, đến năm 1996, bố mẹ bà cho anh Tiền và chị Kheo ra ở riêng nên bố mẹ bà thống nhất cho vợ chồng anh Tiền mượn thửa đất rừng của anh Háo để canh tác, trồng trọt phục vụ nhu cầu cuộc sống. Và có nói là khi nào anh Háo lập gia đình thì phải trả lại diện tích đất rừng 0,7ha của anh Háo để anh Háo sử dụng. Quá trình vợ chồng anh Tiền sử dụng và canh tác đất rừng là anh Tiền khai thác 01 thửa có diện tích 3,5ha mà anh Tiền được Lâm trường giao và 01 thửa có diện tích 0,7ha của anh

Háo. Sau này anh Tiền đã bán thửa đất có diện tích 3,5ha của anh Tiền mà chỉ sử dụng thửa 0,7ha của anh Háo. Việc bố mẹ bà và anh Háo đồng ý cho vợ chồng anh Tiền sử dụng thửa đất 0,7ha của anh Háo chỉ là cho mượn và cũng không lập biên bản gì vì bố mẹ con trong gia đình nên không lập biên bản mà chỉ nói miệng với nhau.

Năm 1996, anh Vi Văn Háo kết hôn với chị Hương, do vợ chồng anh Háo ở chung cùng bố mẹ nên cũng không có nhu cầu sử dụng đến thửa đất rừng đó nên vẫn tiếp tục để vợ chồng anh Tiền canh tác.

Quá trình vợ chồng anh Tiền sử dụng thửa đất này từ năm 1996 đến năm 2012 thì có tranh chấp. Lý do là giữa bố bà là ông Phình và anh Tiền có mâu thuẫn nên bố bà yêu cầu vợ chồng anh Tiền phải trả lại cho anh Háo thửa đất rừng 0,7ha để cho anh Háo sử dụng và có làm đơn khởi kiện đến thôn và xã để giải quyết. Tuy nhiên, tại thời điểm đó vợ chồng anh Tiền đang trồng khoảng 40-50 cây vải trên diện tích đất rừng này và anh Tiền yêu cầu là trả anh Tiền mỗi cây vải 5.000.000 đồng thì anh Tiền sẽ trả lại đất rừng cho anh Háo. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, bố bà và anh Háo không có khả năng trả cho anh Tiền số tiền để bồi thường cây vải nên bố bà và anh Háo lại không đòi nữa. Từ đó bà tôi ốm và yếu dần nên gia đình không tranh chấp nữa, đến năm 2016 thì bố bà mất nên sự việc vẫn dừng lại ở việc tranh chấp từ năm 2012-2013.

Bà xác định toàn bộ diện tích đất rừng 0,7ha mà lâm trường giao cho anh Háo là của riêng anh Háo, gia đình bà và bố mẹ bà cũng đã thống nhất giao cho anh Háo được toàn quyền sử dụng nên bà không có bất cứ yêu cầu gì đối với thửa đất này. Bản thân bà cũng đi lấy chồng từ năm 1994, bà không có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất lâm nghiệp này. Gia đình bà còn 01 em trai là Vi Văn Hưng, sinh năm 1983 nhưng anh Hưng mất từ năm 2014, khi được giao thửa đất này thì Hưng còn nhỏ nên không liên quan đến thửa đất này.

Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Háo để anh Háo được quyền sử dụng vì thửa đất này đã được giao cho anh Háo từ những năm 1993, anh Tiền cũng đã được giao và đã bán hết diện tích đất rừng của anh Tiền, thửa đất này mang tên anh Háo mà lại để anh Tiền sử dụng là không đúng.

Do bà không liên quan đến thửa đất này và bản thân bà cũng không có bất cứ yêu cầu gì đối với tài sản này nên bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Ngoài ra, bà Vi Thị Phế không còn ý kiến nào khác.

* *Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2025, ông Lăng Văn Nhì trình bày:* Gia đình ông có khai hoang thửa đất rừng từ những năm 1986-1987, thửa đất có diện tích khoảng 2ha, có một cạnh tiếp giáp với thửa đất mà anh Tiền và anh Háo đang tranh chấp. Đến khoảng năm 1993, ông được giao thửa đất trên và canh tác đến hiện nay, không phát sinh tranh chấp với ai. Quá trình sử dụng thửa đất, gia đình ông và gia đình ông Tiền không phát sinh tranh chấp gì. Ông Tiền và vợ ra ở khai hoang thửa đất này từ những năm 1992-1993 đến nay. Nhà ông Tiền sử dụng liên tục không phát sinh tranh chấp gì. Việc ông Phình là bố của ông Tiền có giao, cho mượn hay tặng cho ông Tiền thửa đất này như nào thì ông không rõ. Ông chỉ nắm được là từ đó đến nay, ông Tiền và vợ canh tác liên tục, không có tranh chấp. Ông Phình, ông Háo hay các anh

em nhà ông Tiền không ai canh tác trên thửa đất này từ những năm 1993 đến nay. Ngoài ra, ông Lăng Văn Nhì không có ý kiến nào khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2025, bà Hứa Thị Thi trình bày:* Bà là vợ ông Hoàng Văn Éng, khoảng năm 1984, vợ chồng bà có tự khai hoang thửa đất rừng để canh tác, trồng trọt. Đến năm 1993, gia đình bà được Nhà nước giao thửa đất này có giấy tờ, sổ sách. Thửa đất này của nhà bà có tiếp giáp với thửa nhà ông Tiền, ông Máy. Cùng thời điểm nhà bà được giao đất thì nhà anh Tiền cũng được giao đất rừng có giấy tờ, sổ sách hay diện tích bao nhiêu thì bà không biết. Gia đình nhà bà và nhà anh Tiền cùng canh tác trên thửa đất trên từ những năm 1993, không có tranh chấp gì. Quá trình canh tác từ những năm 1993 đến nay ông Phình và ông Háo không có canh tác gì, còn thực tế Nhà nước giao thửa đất này cho anh Tiền, anh Háo hay ông Phình thì bà không được biết. Ngoài ra, bà Hứa Thị Thi không còn ý kiến nào khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2025, bà Ngô Thị Đẻn trình bày:* Bà là vợ ông Luân Văn Tọt, năm 1993, gia đình bà được Lâm trường Lục Nam giao cho 0,3ha đất rừng. Khi đó thửa đất được giao có một cạnh tiếp giáp với thửa đất nhà ông Vi Văn Tiền đang có tranh chấp với ông Vi Văn Háo. Lâm trường giao đất để gia đình bà trồng cây, Lâm trường trực tiếp giao giống để canh tác. Gia đình bà và Lâm trường có ký kết giấy tờ giao đất. Quá trình sử dụng thửa đất này từ năm 1993 đến nay thì gia đình bà và gia đình anh Tiền không có tranh chấp gì. Gia đình nhà ông Tiền đã canh tác liên tục từ đó đến nay. Ông Phình hay gia đình ông Háo cũng chưa canh tác trên thửa đất này bao giờ. Việc Lâm trường giao thửa đất này cho ông Phình, ông Tiền hay ông Háo thì bà không được biết. Nhưng thực tế thì chỉ có vợ chồng ông Tiền sử dụng thửa đất này từ năm 1993 đến nay. Ngoài ra, bà Ngô Thị Đẻn không còn ý kiến nào khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2025, ông Hoàng Văn Hải, chức vụ: Phó trưởng thôn Trại Trầm trình bày:* Ông Tiền, bà Kheo là công dân của thôn Trại Trầm, theo ông được biết thì vợ chồng ông Tiền, bà Kheo có canh tác tại thửa đất đanh tranh chấp từ những năm 1991-1992 đến nay. Trong quá trình sử dụng thửa đất cũng không phát sinh tranh chấp với các hộ có thửa đất xung quanh. Việc thửa đất này được giao cho ai trong hộ gia đình nhà ông Phình (bố đẻ ông Tiền) thì ông không nắm được. Tuy nhiên, ông Tiền và bà Kheo đã canh tác trên thửa đất này từ những năm 1993 đến nay, không phát sinh tranh chấp gì. Ông cũng không thấy ông Phình hay ông Háo đến thửa đất này để canh tác từ đó đến nay. Ngoài ra, ông Hoàng Văn Hải không còn ý kiến nào khác.

** Quá trình giải quyết, ông Vi Văn Háo có đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:*

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2025 như sau:

+ Diện tích đất lâm nghiệp tại Khoảnh 2B, Lô R có địa chỉ tại thôn Trại Trầm, xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông Nam giáp với đất ở nhà ông Vi Văn Tiền; phía Đông Bắc giáp với thửa đất nhà ông Dương Văn Thấn và thửa đất nhà ông Hoàng Văn Hoa; phía Tây Bắc giáp

với thửa đất nhà ông Các, ông Ánh; phía Tây Nam giáp với thửa đất nhà ông Lăng Văn Nhi, ông Hoàng Văn Éng và ông Vi Văn Hưng.

+ Trên diện tích đất 0,7ha đất lâm nghiệp có trồng cây bạch đàn, trồng năm 2020 có kích thước đường kính từ 5-10cm, Hội đồng xác định mật độ cây là 1.600 cây/ha.

- Kết quả định giá tài sản ngày 10/01/2025 như sau: Căn cứ theo quyết định số 40/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 71/2021 ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2024 thì: Giá đất lâm nghiệp là 12.000 đồng/m^2. Sau khi tham khảo giá chuyển nhượng tại vị trí tương đồng ở thời điểm hiện tại thì hội đồng định giá đất lâm nghiệp là 20.000 đồng/m^2.

+ Trên đất có cây bạch đàn, trồng năm 2020 có kích thước đường kính từ 5-10cm, Hội đồng xác định mật độ cây bạch đàn trên diện tích 0,7ha tương ứng 1.120 cây. Giá trị bạch đàn trên diện tích 0,7ha là: 1.120 cây x 50.000 đồng/cây = 56.000.000 đồng.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 38 Luật đất đai năm 1993 và Điều 173, Điều 174, Điều 175; Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 1993; khoản 2 và 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn Háo đối với ông Vi Văn Tiền về việc về việc buộc ông Vi Văn Tiền phải trả cho ông Vi Văn Háo diện tích đất lâm nghiệp là 10.013,7m^2 ở khoảnh 2B, lô R (diện tích đo đạc thực tế là 10.013,7m^2) có địa chỉ tại thôn Trại Trầm, xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Trại Trầm, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh) và buộc ông Vi Văn Tiền phải di dời toàn bộ cây cối trên diện tích 10.013,7m^2.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2025 ông Vi Văn Háo có kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét lại phần án phí theo bản án sơ thẩm đối với phần án phí buộc di dời tài sản trên đất vì giữa nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp tài sản trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với đề nghị của Luật sư phía nguyên đơn về án phí đối với phần di dời tài sản trên đất là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vi Văn Háo nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy: nguồn gốc đất rừng có tranh chấp do ông Vi Văn Háo ký Hợp đồng liên doanh sản xuất rừng với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Lục Nam năm 1993. Tuy nhiên, ông Háo không sử dụng diện tích đất đó mà thực tế vợ, chồng ông Tiền (anh trai ông Háo) là người trực tiếp sử dụng từ những năm 1995-1996 đến nay. Đến nay, ngoài hợp đồng liên doanh sản xuất rừng ký năm 1993 thì ông Háo không có tài liệu, chứng gì chứng minh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất và cũng không có một trong những giấy tờ qui định tại Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 là căn cứ để cấp có thẩm quyền cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, tại thời điểm ký kết hợp đồng liên doanh sản suất nghề rừng thì ông Vi Văn Háo chưa đủ 18 tuổi nhưng tại Hợp đồng cũng không có chữ ký xác nhận của người giám hộ theo quy định. HĐXX thấy, mục đích của việc Nhà nước giao đất rừng cho hộ dân là để bảo vệ rừng, đất và khai thác tính năng của đất không để hoang hóa, lãng phí tài nguyên. Hợp đồng cũng quy định nếu chủ rừng nhận đất từ 06 tháng đến 01 năm mà không có biện pháp canh tác thì lâm trường có thể thu hồi và giao cho hộ khác. Ông Vi Văn Tiền mặc dù không ký hợp đồng liên doanh sản xuất rừng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Lục Nam nhưng thực tế, ông vợ được khai thác sử dụng đất đó khoảng từ năm 1995-1996 đến nay. Quá trình sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ sử dụng đất với nhà nước và không có vi phạm gì, hiện đã được ghi tên tại bản đồ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất 0,7ha (kết quả đo thực tế là 10.013,7m^2) thuộc quyền sử dụng của ông Háo. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn Háo về việc buộc ông Vi Văn Tiền phải trả diện tích đất lâm nghiệp nêu trên và buộc di dời toàn bộ cây cối trên đất là có căn cứ.

[3] Tại giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của VKS nhân dân tỉnh Bắc Ninh phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo ông Vi Văn Háo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vi Văn Háo; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Bắc Ninh.

2. Về án phí phúc thẩm: ông Vi Văn Háo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001176 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Bắc Ninh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, TAND KV4 - tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS KV4 - tỉnhBắc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Việt Hoàng